

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực-quyển số: 36521-07 SCT/BS

25-07-2015

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG ĐAKAO



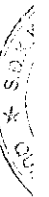
Sửa đổi lần 5 theo Quyết nghị của ĐHĐCD ngày 08/10/2014
tại Hà Nội

Nguyễn Phước Châm

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG**

Sửa đổi lần 5 theo Quyết nghị của ĐHĐCĐ ngày 08/10/2014
tại Hà Nội



MỤC LỤC

CHƯƠNG I	6
ĐIỀU KHOẢN CHUNG	6
ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA	6
ĐIỀU 2. TÊN CÔNG TY	7
ĐIỀU 3. TRỤ SỞ CÔNG TY	7
ĐIỀU 4. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
ĐIỀU 5. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	7
ĐIỀU 6. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
CHƯƠNG II	9
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	9
ĐIỀU 7. QUYỀN CỦA CÔNG TY	9
ĐIỀU 8. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	9
CHƯƠNG III	11
VỐN ĐIỀU LỆ	11
ĐIỀU 9. VỐN ĐIỀU LỆ	11
ĐIỀU 10. VỐN VAY VÀ CÁC LOẠI VỐN KHÁC	11
CHƯƠNG IV	13
CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG	13
ĐIỀU 11. CỔ PHẦN	13
ĐIỀU 12. CỔ PHIẾU	13
ĐIỀU 13. CHÀO BÁN, CHUYỂN NHƯỢNG, THỪA KẾ CỔ PHẦN	14
ĐIỀU 14. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU	16
ĐIỀU 15. CỔ ĐÔNG	16
ĐIỀU 16. CỬ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CỔ ĐÔNG	16
ĐIỀU 17. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	17
ĐIỀU 18. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	18
ĐIỀU 19. CÔNG TY MUA LẠI CỔ PHẦN	19
ĐIỀU 20. THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	20
CHƯƠNG V	21

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY.....	21
ĐIỀU 21. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY	21
ĐIỀU 22. ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	21
ĐIỀU 23. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	21
ĐIỀU 24. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	22
ĐIỀU 25. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	23
ĐIỀU 26. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	23
ĐIỀU 27. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	23
ĐIỀU 28. QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	24
ĐIỀU 29. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	24
ĐIỀU 30. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	26
ĐIỀU 31. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	27
ĐIỀU 32. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	28
ĐIỀU 33. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	28
ĐIỀU 34. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
ĐIỀU 35. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
ĐIỀU 36. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
ĐIỀU 37. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	32
ĐIỀU 38. TỪ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM VÀ BỎ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	32
ĐIỀU 39. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	33
ĐIỀU 40. BAN KIỂM SOÁT.....	33
ĐIỀU 41. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	34
ĐIỀU 42. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY.....	35
ĐIỀU 43. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	35
ĐIỀU 44. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ	37
ĐIỀU 45. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN.....	37
ĐIỀU 46. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN	38
ĐIỀU 47. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC	38
CHƯƠNG VI	40

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
ĐIỀU 48. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH.....	40
ĐIỀU 49. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHI TRẢ CỔ TỨC, NGUYÊN TẮC CHUYỂN LỖ VÀ LẬP QUỸ	40
ĐIỀU 50. KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, THUẾ	41
ĐIỀU 51. CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY	41
CHƯƠNG VII.....	43
TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY - GIẢI THỂ.....	43
ĐIỀU 52. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY	43
ĐIỀU 53. GIẢI THỂ CÔNG TY	43
ĐIỀU 54. THỦ TỤC GIẢI THỂ CÔNG TY	43
ĐIỀU 55. PHÁ SẴN CÔNG TY	44
ĐIỀU 56. BAN THANH LÝ	44
ĐIỀU 57. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	45
CHƯƠNG VIII.....	46
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....	46
ĐIỀU 58. HIỆU LỰC THI HÀNH.....	46
ĐIỀU 60. HƯỚNG DẪN THI HÀNH.....	46

Căn cứ:

- a. Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- b. Quyết định số 372 ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành lập Công ty Cổ phần Khách sạn Hàng không;
- c. Nghị quyết số 1614 ngày 28 tháng 09 năm 2006 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng không Việt Nam về việc chấp thuận cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (VNAC) tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Khách sạn Hàng không;
- d. Văn bản số 1110/TCT-DVTS ngày 16 tháng 9 năm 2004 của Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO) về việc tham gia góp vốn và trở thành cổ đông của Công ty Cổ phần Khách sạn Hàng không, và Văn bản số 223/TCT-DVTS ngày 14 tháng 3 năm 2006 về việc xác nhận sẽ tiếp tục tham gia dự án Công ty Cổ phần Khách sạn Hàng không;
- e. Văn bản ngày 16 tháng 6 năm 2005 của Công ty TNHH Thiên Sơn về việc mong muốn được tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Khách sạn Hàng không;
- f. Văn bản ngày 17 tháng 6 năm 2005 của Công ty TNHH Thương mại Thiên Minh về việc quyết định tham gia góp vốn 10% trên tổng giá trị đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Khách sạn Hàng không;
- g. Văn bản số 106/PQN ngày 30 tháng 6 năm 2005 của Công ty TNHH Petro Quảng Ngãi về việc đăng ký góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Khách sạn Hàng không;
- h. Giấy Ủy nhiệm cử đại diện chính thức tham gia Công ty Cổ phần Khách sạn Hàng không của:
 - i. Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (VNA).
 - ii. Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO).
 - iii. Công ty TNHH Thiên Sơn
 - iv. Công ty TNHH Thương mại Thiên Minh
 - v. Công ty TNHH Petro Quảng Ngãi

Chúng tôi, các cổ đông sáng lập có tên tại Điều 15.4 của Điều lệ này cùng đồng ý thành lập Công ty Cổ phần Khách sạn Hàng không hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của Bản Điều lệ này.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

- 1.1 “Công ty” là Công ty Cổ phần Khách sạn Hàng Không.
- 1.2 “Cổ đông” là pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã được phát hành của Công ty và được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- 1.3 “Cổ đông sáng lập” là Cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của Công ty, được nêu tên cụ thể tại Điều 15.4 của Điều lệ này.
- 1.4 “Cổ phần” là các phần hùn vốn có giá trị ngang nhau tạo thành Vốn Điều lệ của Công ty.
- 1.5 “Cổ phần phổ thông” là cổ phần thông thường do Công ty phát hành;
- 1.6 “Cổ đông phổ thông” là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông;
- 1.7 “Cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần ưu đãi hoàn lại” là các loại cổ phần được định nghĩa theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 1.8 “Cổ phiếu” là chứng chỉ góp vốn do Công ty phát hành hay bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của Công ty.
- 1.9 “Trái phiếu” là hình thức nhận nợ của Công ty đối với chủ nợ do Công ty phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ hoặc các hình thức khác theo quy định hiện hành của pháp luật, xác nhận nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Công ty đối với người sở hữu Trái phiếu.
- 1.10 “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
- 1.11 “Người đại diện theo ủy quyền” là cá nhân được Cổ đông là tổ chức của Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 1.12 “Người quản lý” trong bản Điều lệ này là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty được xác định tại từng thời điểm;
- 1.13 “Người có liên quan” trong bản Điều lệ này được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 1.14 “Vốn Điều lệ” là số vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ Công ty.
- 1.15 “Điều lệ” là Bản Điều lệ này do các Cổ đông sáng lập thông qua và các bản sửa đổi, bổ sung của Bản Điều lệ này theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 1.16 “Ngày thành lập Công ty” là ngày mà Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

- 1.17 “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, và các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- 1.18 “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quy định, Thông tư, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.
- 1.19 “**Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách**” là thành viên Hội đồng quản trị chỉ tham gia điều hành và quản lý tại công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác theo phân công của Hội đồng quản trị mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị.
- 1.20 Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

ĐIỀU 2. TÊN CÔNG TY

- 2.1 Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG
- 2.2 Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: AVIATION HOTEL JOINT STOCK COMPANY
- 2.3 Tên Công ty viết tắt: AH JSC

ĐIỀU 3. TRỤ SỞ CÔNG TY

- 3.1 Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 27B Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, T.P Hồ Chí Minh.
- 3.2 Hội đồng quản trị quyết định việc chuyển trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 4. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 4.1 Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp, trong đó các Cổ đông chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi Cổ phần nắm giữ trong Công ty.
- 4.2 Công ty được thành lập trên cơ sở tự nguyện tham gia góp Cổ phần của các Cổ đông.
- 4.3 Công ty là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân thành lập và hoạt động phù hợp với Pháp luật, có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính.
- 4.4 Công ty có biểu tượng riêng, biểu tượng của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.
- 4.5 Thời gian hoạt động của Công ty là năm mươi (50) năm kể từ Ngày thành lập Công ty. Việc giải thể, phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật liên quan.

ĐIỀU 5. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- 5.1 Mục tiêu hoạt động: Công ty được thành lập để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

doanh khách sạn, cho thuê văn phòng, bán và cho thuê căn hộ; đầu tư kinh doanh bất động sản; đại lý bán vé máy bay; và các lĩnh vực kinh doanh khác được phép theo quy định pháp luật theo từng thời điểm với mục tiêu thu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các Cổ đông và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

5.2 Ngành nghề kinh doanh:

- a. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống.
- b. Cho thuê văn phòng, nhà, xưởng.
- c. Bán và cho thuê căn hộ.
- d. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và khu dân cư, cao ốc; Kinh doanh nhà ở.
- e. Dịch vụ đại lý bán vé máy bay.
- f. Dịch vụ đại lý lữ hành.
- g. Tư vấn đấu thầu; tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng). Lập dự án đầu tư. Quản lý dự án.
- h. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.
- i. Xây dựng công trình công ích.
- j. Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- k. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- l. Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán)

5.3 Công ty có thể tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào khác được phép theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 6. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 6.1 Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, công khai, tôn trọng pháp luật, bảo toàn vốn và sinh lợi.
- 6.2 Các Cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với Cổ phần nắm giữ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi Cổ phần nắm giữ trong Công ty.
- 6.3 Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
- 6.4 Đại hội đồng cổ đông bầu Hội Đồng Quản Trị để quản trị Công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty giữa các kỳ Đại hội đồng cổ đông.
- 6.5 Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 7. QUYỀN CỦA CÔNG TY

- 7.1 Quản lý, sử dụng vốn do các Cổ đông đóng góp và vốn vay (nếu có) để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty theo Điều lệ; Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Pháp luật hiện hành.
- 7.2 Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- 7.3 Mua lại không quá 30% tổng số Cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ số Cổ phần loại khác đã bán theo quy định của Pháp luật.
- 7.4 Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty và theo quy định của Pháp luật.
- 7.5 Thành lập hoặc giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty ở trong và ngoài nước theo quy định hiện hành của Pháp luật.
- 7.6 Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn theo các quy định của Pháp luật.
- 7.7 Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
- 7.8 Tham gia góp vốn hoặc đầu tư vào các doanh nghiệp khác.
- 7.9 Tuyển chọn, sử dụng và trả lương phù hợp với năng lực của người lao động và yêu cầu công việc.
- 7.10 Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được Pháp luật quy định.
- 7.11 Khởi kiện các hành vi xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.
- 7.12 Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 8. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

- 8.1 Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã đăng ký.
- 8.2 Tự chủ về tài chính, đảm bảo chi phí, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của Công ty.
- 8.3 Ghi chép sổ sách kế toán và quyết toán, lưu giữ các hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

- 8.4 Chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của mình, chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng bằng vốn tự có và các tài sản hợp pháp khác của Công ty.
- 8.5. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.
- 8.6 Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan có thẩm quyền.
- 8.7 Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường.
- 8.8 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 9. VỐN ĐIỀU LỆ

- 9.1 Vốn Điều lệ ban đầu của Công ty là 96.000.000.000đ (chín mươi sáu tỷ đồng Việt Nam) chia làm 9.600.000 (chín triệu sáu trăm ngàn) Cổ phần, mỗi Cổ phần có mệnh giá là 10.000 đ (mười ngàn đồng Việt Nam).
- 9.2 Tại thời điểm đăng ký kinh doanh, toàn bộ Vốn Điều lệ do các Cổ đông sáng lập đóng góp được quy định cụ thể tại Điều 15.4.
- 9.3 Vốn Điều lệ của Công ty có thể được tăng thêm tùy theo nhu cầu kinh doanh, đầu tư và quy mô hoạt động của Công ty. Việc tăng Vốn Điều lệ sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định. Thủ tục tăng Vốn Điều lệ được thực hiện theo các quy định của Pháp luật.
- 9.4 Công ty có thể tăng Vốn Điều lệ bằng các hình thức sau:
- Phát hành thêm Cổ phiếu mới theo quy định của pháp luật;
 - Chuyển từ các quỹ sở hữu và/hoặc giữ lại lợi nhuận để chuyển thành Cổ phần cho các Cổ đông hoặc chuyển Trái phiếu thành Cổ phiếu theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Pháp luật.
- 9.5 Trường hợp Công ty phát hành thêm Cổ phiếu để tăng vốn, giá Cổ phiếu phát hành mới có thể cao hoặc bằng hơn mệnh giá Cổ phiếu ghi trong Điều lệ Công ty, do Hội đồng Quản trị quyết định; phù hợp với Luật Doanh nghiệp, nhưng không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán Cổ phiếu đó, ngoại trừ những Cổ phiếu được ưu tiên bán cho các Cổ đông cũ theo tỷ lệ nắm giữ Cổ phiếu tại thời điểm phát hành thêm Cổ phiếu. Phần chênh lệch này được hạch toán vào Quỹ dự trữ.
- 9.6 Sau khi tăng Vốn Điều lệ, Công ty phải đăng ký Vốn Điều lệ mới với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố Vốn Điều lệ mới của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày đăng ký việc tăng Vốn Điều lệ của Công ty.
- 9.7 Công ty không sử dụng Vốn Điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các Cổ đông của Công ty dưới bất kỳ hình thức nào. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, việc phân chia tài sản được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.

ĐIỀU 10. VỐN VAY VÀ CÁC LOẠI VỐN KHÁC

- 10.1 Vốn vay là tài sản của các chủ sở hữu khác, Công ty được quyền huy động để sử dụng và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn, lãi và phí (nếu có).
- 10.2 Công ty được vay vốn của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc phát hành các loại chứng khoán nợ ra công chúng (trong trường hợp Công ty tham gia thị trường chứng khoán) và các hình thức huy động khác theo luật định.
- 10.3 Công ty có quyền phát hành Trái phiếu hoặc Trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại Trái phiếu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

theo quy định của Luật và theo Điều lệ của Công ty khi cần huy động vốn nhằm bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của Công ty để phát triển kinh doanh.

- 10.4 Hội đồng quản trị quyết định loại Trái phiếu ngoại trừ Trái phiếu chuyển đổi, tổng giá trị Trái phiếu phát hành, phương thức phát hành và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất kèm theo các tài liệu giải trình về việc phát hành trái phiếu.

CHƯƠNG IV

CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 11. CỔ PHẦN

Cổ phần của Công ty bao gồm các loại sau:

- 11.1 Cổ phần phổ thông: mỗi Cổ phần phổ thông có 01 (một) phiếu biểu quyết. Tại thời điểm thành lập Công ty, tổng số Cổ phần phát hành của Công ty là 9.600.000 (chín triệu sáu trăm ngàn) Cổ phần đều là Cổ phần phổ thông. Các Cổ đông sáng lập đã đăng ký mua hết Cổ phần do Công ty phát hành. Danh sách góp vốn được quy định cụ thể tại Điều 15.4 Điều lệ này.
- 11.2 Cổ phần ưu đãi khác: Tùy theo tình hình thị trường tài chính, tùy theo nhu cầu tài trợ và sử dụng vốn của Công ty, Hội đồng quản trị có thể kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông để quyết định phát hành thêm một số Cổ phần ưu đãi khác như: Cổ phần ưu đãi cổ tức, Cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại Cổ phần ưu đãi khác cùng với các phương cách áp dụng. Quyền của các Cổ phần ưu đãi này (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Luật.

ĐIỀU 12. CỔ PHIẾU

- 12.1 Cổ phiếu của Công ty được phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.
- 12.2 Đăng ký Cổ đông:
 - a. Cổ đông sở hữu Cổ phiếu có ghi tên hoặc không ghi tên phải đăng ký tên và số lượng Cổ phần nắm giữ vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
 - b. Người sở hữu Cổ phần do chuyển nhượng hoặc thừa kế chỉ được trở thành Cổ đông của Công ty sau khi đã hoàn thành thủ tục đăng ký Cổ phiếu của mình vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty theo quy định của Pháp luật. Kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký Cổ phiếu, người sở hữu Cổ phiếu mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Cổ đông Công ty.
 - c. Nếu Cổ phiếu bị mờ, hư hỏng hoặc mất thì Cổ đông nắm giữ Cổ phiếu đó phải báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để xử lý. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình xử lý do Cổ đông đó chịu trách nhiệm.
 - d. Trường hợp Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì mọi hoạt động đăng ký Cổ phiếu sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 12.3 Sổ đăng ký cổ đông
 - a. Sổ đăng ký cổ đông phải được lập ngay từ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - b. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở Công ty hoặc tại trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán khi Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

- c. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, trụ sở của Công ty;
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với Cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức;
 - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.

ĐIỀU 13. CHÀO BÁN, CHUYỂN NHƯỢNG, THỪA KẾ CỔ PHẦN

13.1 Chào bán cổ phần

- Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
 - Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương pháp bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
 - Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;

- iii. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
 - iv. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức của hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - c. Cổ phần được coi là bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Điều 12.3 của Điều lệ này và khoản 2 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
 - d. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể chào bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Điều 12.3 của Điều lệ này và khoản 2 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
 - e. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 13.2 Cổ phần được chuyển nhượng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Khi Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì toàn bộ Cổ phần phải lưu ký tập trung tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và việc chuyển nhượng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 13.3 Các Cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% Tổng số Cổ phần được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số Cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 13.4 Trong thời hạn ba (3) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các Cổ đông Sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng Cổ phần của mình cho Cổ đông Sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là Cổ đông Sáng lập khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Cổ đông dự định chuyển nhượng Cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các Cổ phần đó. Thứ tự ưu tiên chuyển nhượng của các Cổ phần này như sau:
- a. Chuyển nhượng cho các Cổ đông sáng lập;
 - b. Chuyển nhượng cho các thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chuyển nhượng cho các Cổ đông khác.
 - d. Chuyển nhượng cho người không phải là Cổ đông Công ty.
- Riêng đối với Tổng công ty Hàng không Việt Nam là Cổ đông sáng lập nhưng có quyền được chuyển nhượng không quá 11% Vốn Điều lệ ngay sau khi Công ty được thành lập.
- 13.5 Trường hợp Cổ đông pháp nhân được sáp nhập, hợp nhất hoặc được thừa kế quyền và nghĩa

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

vụ của pháp nhân cũ thì Cổ đông pháp nhân mới phải gửi cho Công ty các văn bản pháp lý về sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế. Hội đồng quản trị Công ty đối chiếu với các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty có liên quan để xử lý về Cổ đông, người đại diện Cổ phần.

- 13.6 Trường hợp Cổ đông pháp nhân giải thể thì Cổ phần của Cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác.

ĐIỀU 14. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

- 14.1 Công ty có quyền phát hành Trái phiếu hoặc Trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại giấy tờ ghi nợ khác theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của Công ty khi cần huy động vốn nhằm bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của Công ty để phát triển kinh doanh.
- 14.2 Công ty thừa nhận quyền chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế của các chủ nợ sở hữu Trái phiếu do Công ty phát hành. Việc chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế phải tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 15. CỔ ĐÔNG

- 15.1 Cổ đông của Công ty là pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hay nhiều Cổ phần.
- 15.2 Cổ đông sáng lập là các Cổ đông được quy định tại Điều 15.4 dưới đây.
- 15.3 Cổ đông phổ thông là Cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông của Công ty.
- 15.4 Tại thời điểm đăng ký kinh doanh tổng vốn góp của các Cổ đông Sáng lập là 100% Vốn Điều lệ, tương đương 96.000.000.000 đ (chín mươi sáu tỉ đồng).
- Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục số 01 đính kèm. Phụ lục này sẽ là một phần của Điều lệ này.
- 15.5 Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua Cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu tại Công ty.

ĐIỀU 16. CỬ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CỔ ĐÔNG

- 16.1 Tất cả các Cổ đông là pháp nhân hoặc cá nhân đều có quyền được cử người đại diện có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện.
- 16.2 Người đại diện cho Cổ đông cá nhân là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền bằng văn bản.
- 16.3 Người đại diện cho nhóm Cổ đông là người được nhóm Cổ đông đó ủy quyền bằng văn bản.
- 16.4 Việc cử đại diện pháp nhân tại Công ty phải được thực hiện bằng văn bản hợp lệ theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp Cổ đông là cá nhân là người cử đại diện thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người đại diện;

- b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức là người cử đại diện thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người đại diện;
- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người đại diện.

16.5 Trường hợp Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có thông báo bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị Công ty kèm theo giấy uỷ quyền mới.

ĐIỀU 17. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

- 17.1 Tham dự hoặc cử đại biểu tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 17.2 Được nhận cổ tức hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 17.3 Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần nắm giữ trong Công ty.
- 17.4 Được chuyển nhượng, thừa kế hoặc cầm cố Cổ phần nắm giữ trong Công ty theo Điều lệ Công ty và theo quy định pháp luật hiện hành.
- 17.5 Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ phải thực hiện và hoàn trả cho các Cổ đông ưu đãi (nếu có) theo luật định.
- 17.6 Cổ đông và nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% số Cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có các quyền:
 - a. Đề cử người tham gia vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản;
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Yêu cầu triệu tập hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (6) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

- 17.7 Các Cổ đông sở hữu ít hơn 10% số Cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của mỗi người lại với nhau để đề cử các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo nguyên tắc sau đây:
- a. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử một (1) ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và một (1) ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát.
 - b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa hai (2) ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và tối đa hai (2) ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát.
 - c. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa ba (3) ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và tối đa ba (3) ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát.
 - d. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 40% đến 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa bốn (4) ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và tối đa bốn (4) ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát.
 - e. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 50% đến 60% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa năm (5) ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và tối đa năm (5) ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát.

ĐIỀU 18. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

- 18.1 Góp vốn đủ và đúng thời hạn như đã cam kết và các Cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp.
- 18.2 Chịu rủi ro, thua lỗ và gánh chịu các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty (nếu có) theo tỷ lệ và trong phạm vi tương ứng với phần vốn góp vào Công ty.
- 18.3 Tuân thủ Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty.
- 18.4 Bất kỳ một cổ đông nào trước khi tham gia Công ty phải có văn bản cam kết như sau:
- a. Tán thành Điều lệ Công ty;
 - b. Từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung Điều lệ này trước bất cứ cơ quan tài phán nào

Trong trường hợp chưa có văn bản cam kết nhưng cổ đông đã sở hữu cổ phiếu của Công ty thì coi như cổ đông đó đã tán thành Điều lệ Công ty và từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung Điều lệ trước bất cứ cơ quan tài phán nào.

- 18.5 Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín Công ty, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Không tiết lộ cho bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào khác về các hoạt động của Công ty, trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật.
- 18.6 Các Cổ đông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình để Công ty có điều kiện chuyển thông báo và tài liệu liên quan khi có yêu cầu.

- 18.7 Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 18.8 Thanh toán tiền mua Cổ phiếu theo quy định và thủ tục do Hội đồng quản trị yêu cầu
- 18.9 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 19. CÔNG TY MUA LẠI CỔ PHẦN

Việc Công ty mua lại cổ phần của Công ty đã phát hành khi có yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty được thực hiện theo các điều kiện sau đây:

19.1 Mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông:

- a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;
- b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều 19.1 a với giá thị trường hoặc trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

19.2 Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

Trong quá trình kinh doanh, Công ty có quyền mua lại tối đa 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

- a. Việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định;
- b. Giá mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định và việc mua lại cổ phần không được trái với các quy định hiện hành của Pháp luật có liên quan.

19.3 Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

19.4 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

- 19.5 Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty.

ĐIỀU 20 THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- 20.1 Công ty tham gia thị trường chứng khoán khi có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán:
- 20.2 Trước khi trình đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định việc tham gia thị trường chứng khoán. Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua các nội dung cơ bản trong các vấn đề liên quan khác.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

ĐIỀU 21. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát.
- Ban Điều hành (Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác).

ĐIỀU 22. ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tổng Giám đốc là người Đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc đồng thời là người chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.

ĐIỀU 23. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

23.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

23.2 Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông:

- a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thông qua báo cáo định kỳ của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Thông qua kế hoạch phát triển, định hướng kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- d. Thông qua quyết toán năm tài chính, quyết định phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức;
- e. Quyết định tỉ lệ trích lập các quỹ của Công ty;
- f. Ấn định mức thù lao và các quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Xem xét và xử lý các vi phạm của các thành viên của Hội đồng quản trị và/hay thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông;
- h. Điều chỉnh hay huỷ bỏ các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các Quyết định của Tổng Giám đốc ;
- i. Quyết định loại Cổ phần và tổng số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại Cổ phần;
- j. Quyết định việc phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu;
- k. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- l. Quyết định việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Tổng Giám đốc Công ty;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

- m. Quyết định việc tăng, giảm, bổ sung Vốn Điều lệ của Công ty, phát hành Cổ phiếu;
- n. Quyết định việc giải thể, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc tái cơ cấu Công ty;
- o. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số Cổ phần đã bán của mỗi loại;
- p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty;
- q. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn Điều lệ do bán thêm Cổ phần mới trong phạm vi số lượng Cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ này;
- r. Thông qua các vấn đề khác quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan.

ĐIỀU 24. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 24.1 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, mỗi năm phải họp ít nhất 1 lần tại Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- 24.2 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Điều lệ;
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17.6 của Điều lệ này;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát khi phát sinh một trong số các trường hợp sau đây:
 - (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý theo quy định của Luật và Điều lệ này;
 - (ii) Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- 24.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông đề cử thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp quy định tại điểm 24.2.b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 24.2.c và 24.2.d trên đây.
- 24.4 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.
- 24.5 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24.4 thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17.6 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.
- 24.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định.

ĐIỀU 25. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 25.1 Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông và phải hoàn thành trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất hai mươi (20) ngày dựa trên sổ đăng ký Cổ đông của Công ty và các quy định được nêu trong Điều 28 của Điều lệ này.
- 25.2 Trong trường hợp Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo các quy định của luật áp dụng cho chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 25.3 Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập và/hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng và loại Cổ phần nắm giữ, số và ngày đăng ký cổ đông của từng Cổ đông.
- 25.4 Mỗi Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình ghi trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 25.5 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17.6 của Điều lệ này được quyền xem danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông.
- 25.6 Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 26. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 26.1 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
- 26.2 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17.6 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (3) ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, nội dung vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 26.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 26.2 nêu trên trong các trường hợp sau đây :
- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Kiến nghị không phù hợp với Điều lệ này hoặc các quy định của pháp luật.

ĐIỀU 27. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 27.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp trước ngày khai mạc ít nhất bảy (7) ngày.
- 27.2 Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

ĐIỀU 28. QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 28.1 Tất cả các Cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản theo mẫu của Công ty cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông tự chịu trách nhiệm các chi phí ăn ở đi lại trong suốt quá trình dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 28.2 Việc uỷ quyền phải được thực hiện tương tự như việc cử người đại diện quy định tại Điều 16 của Điều lệ này. Người được uỷ quyền chỉ được thực hiện các quyền hạn được uỷ quyền sau khi trình văn bản uỷ quyền cho Ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc đại hội.
- 28.3 Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng với tư cách Cổ đông nắm giữ số Cổ phần đã chuyển nhượng.

ĐIỀU 29 ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 29.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
 - a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 29.1.a trên đây, thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 2 được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số Cổ phần có quyền biểu quyết.
 - c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 29.1.b trên đây, thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ 2 dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 29.2 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông
 - a. Trước ngày khai mạc cuộc họp phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
 - b. Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - i. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ toạ thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- ii. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - iii. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - iv. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - d. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
 - e. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
 - f. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
 - g. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - i. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - ii. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
 - i. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - ii. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá ba (3) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
- i. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

tại Điều 29.2.h trên đây, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

ĐIỀU 30. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các Cổ đông có quyền biểu quyết.

30.1 Việc biểu quyết tại phiên họp chính thức của Đại Hội đồng cổ đông được thực hiện đối với những vấn đề nêu tại Điều 30.1.b và c dưới đây và theo nguyên tắc công khai, trực tiếp hoặc bằng hình thức bỏ phiếu kín và tuân theo các quy định cụ thể như sau:

- a. Số phiếu của mỗi người tham dự Đại hội đồng cổ đông khi biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà người đó nắm giữ, đại diện và nhận ủy quyền.
- b. Các quyết định sau đây được thông qua khi được số người tham dự đại hội đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự cuộc họp chấp thuận:
 - (i) Quyết định về loại Cổ phần và số lượng Cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại;
 - (ii) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại hay giải thể Công ty;
 - (iii) Quyết định bán tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- c. Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số người tham dự đại hội đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp chấp thuận.
- d. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- e. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
- f. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến các Cổ đông có quyền dự họp trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, và có hiệu lực thi hành đối với mọi Cổ đông kể cả các Cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
- g. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết sẽ được xem xét và giải quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

30.2 Trong trường hợp thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, cách thức tiến hành như sau:

- a. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến;

- b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại Điều 105.3 của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Các tài liệu có liên quan phải được gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đến tất cả các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Tỷ lệ số phiếu biểu quyết chấp thuận để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản là 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông;
 - e. Kết thúc thời hạn lấy ý kiến, Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm chức vụ quản lý Công ty; thông báo kết quả lấy ý kiến và các quyết định được thông qua đến tất cả các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 30.3 Các quyết định được thông qua bằng văn bản có giá trị tương đương các quyết định được biểu quyết tại phiên họp chính thức của Đại Hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 31. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 31.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải có biên bản và được ghi chép vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ tọa và thư ký (hoặc Ban thư ký). Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc 02 (hai) ủy viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
- 31.2 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty với các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên Công ty, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Chủ tọa và Thư ký (hoặc Ban thư ký), Ban kiểm phiếu (nếu có);
 - e. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong cuộc họp;
 - f. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua;
 - g. Số cổ đông và tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - i. Các quyết định đã được thông qua;
 - j. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa, Thư ký (hoặc Ban thư ký).
- 31.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội cổ đông phải được lập thành Quyết định Đại hội cổ đông.
- 31.4 Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các Cổ đông đăng ký dự họp

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

- 31.5 Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông cùng các tài liệu liên quan phải được lưu trữ tại trụ sở Công ty.

ĐIỀU 32. YÊU CẦU HUỖ BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- 32.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
- 32.2 Trình tự và thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ.

ĐIỀU 33. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 33.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 33.2 Hội đồng quản trị có số lượng từ 5 đến 11 thành viên, gồm có một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch và các thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị mỗi nhiệm kỳ có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật. Các thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp..
- 33.3 Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam do Hội đồng quản trị bầu hoặc bãi miễn theo nguyên tắc đa số quá bán.
Thành viên Hội đồng quản trị có thể là thành viên chuyên trách hoặc không chuyên trách. Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo Quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- 33.4 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 33.5 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 33.6 Các Cổ đông ứng cử vào Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn sau:
- a. Là công dân Việt Nam, đang thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi và năng lực pháp lý;
 - b. Không thuộc các trường hợp bị cấm quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Có sức khoẻ, có tư cách đạo đức, có năng lực và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp, hiểu biết luật pháp và có khả năng quản lý những lĩnh vực mà Công ty kinh doanh;

- d. Là đại diện Cổ đông pháp nhân sở hữu tối thiểu 10% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty, hoặc là cổ đông cá nhân sở hữu và/hoặc đại diện số Cổ phần tối thiểu 10% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục sáu (6) tháng. Số cổ phần tối thiểu này phải được các thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ trong suốt thời gian tại chức.
- 33.7 Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành kinh doanh trực tiếp của Công ty.
- 33.8 Các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông ấn định.
- 33.9 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ, không ủy quyền cho người khác trừ trường hợp quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 34. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 34.1 Có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 34.2 Chấp hành Điều lệ Công ty và các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty khi cần thiết.
- 34.3 Quyết định chiến lược phát triển của Công ty; giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; quyết định phương án đầu tư theo phân cấp; tham gia liên doanh, mở rộng sản xuất; góp vốn với các pháp nhân và thể nhân khác trong và ngoài nước để thành lập các Công ty mới, mua Cổ phần của doanh nghiệp khác.
- 34.4 Quyết định và thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, phát hành chứng khoán nợ và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% của tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán tại báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 46.1 và 46.3 của Điều lệ này.
- 34.5 Quyết định phương án sử dụng các quỹ trích lập.
- 34.6 Kiến nghị loại Cổ phần và tổng số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- 34.7 Quyết định giá và phương thức chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; định giá tài sản vốn góp không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.
- 34.8 Quyết định mua lại không quá 10% số Cổ phần đã bán của từng loại.
- 34.9 Quyết định việc bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ sách kế toán của Công ty.
- 34.10 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính của Công ty, Kế toán trưởng Công ty, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Chi nhánh/Công ty con/đơn vị trực thuộc Công ty, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc/Phó Giám đốc/Trưởng/Phó các Phòng/Ban/đơn vị trực thuộc Công ty và người quản lý khác theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.
- 34.11 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập hoặc đóng cửa chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện; Quyết định việc chuyển địa điểm cụ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HẰNG KHÔNG

thẻ của trụ sở chính Công ty theo yêu cầu kinh doanh.

- 34.12 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- 34.13 Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hàng năm hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- 34.14 Duyệt chương trình, danh sách Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
- 34.15 Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
- 34.16 Xét chuyển nhượng các Cổ phần ghi tên trong trường hợp Cổ phiếu của Công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- 34.17 Quyết định việc kiện tụng và biện pháp theo dõi, giải quyết mọi tranh chấp, tranh tụng phát sinh đối với Công ty.
- 34.18 Đề xuất việc bầu cử và bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- 34.19 Thành viên Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty cung cấp đầy đủ các tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 34.20 Các quyền và nhiệm vụ khác khi được Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện.
- 34.21 Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 34.22 Công ty chi trả thù lao, tiền lương và các chế độ quyền lợi khác cho thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc theo Quy chế quản lý nội bộ của công ty được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị công ty.
- 34.23 Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Báo cáo ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc theo hình thức xin ý kiến các cổ đông bằng văn bản trước khi quyết định các khoản đầu tư ngoài kế hoạch đầu tư hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt kế hoạch đầu tư hàng năm được phê duyệt đối với các khoản đầu tư khẩn cấp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh doanh của công ty. Khi quyết định các trường hợp nêu trên phải đảm bảo được mục tiêu đầu tư có hiệu quả, không làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của công ty.

ĐIỀU 35. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 35.1 Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất ba (3) tháng/lần để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình.
- 35.2 Hội đồng quản trị có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề khẩn cấp của Công ty trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của của Trưởng Ban kiểm soát;

- c. Có đề nghị của ít nhất 2/3 thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Có đề nghị của Tổng Giám đốc của Công ty hoặc ít nhất năm (5) người quản lý khác.
- 35.3 Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo yêu cầu thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 35.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- 35.5 Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- 35.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 35.7 Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 35.8 Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị tham gia. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi được đa số thành viên dự họp biểu quyết chấp thuận. Trường hợp biểu quyết có số thành viên ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 35.9 Các tài liệu họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu bốn (4) ngày trước khi cuộc họp dự kiến bắt đầu.
- 35.10 Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.
- 35.11 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

ĐIỀU 36. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 36.1 Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của Chủ toạ và Thư ký cuộc họp. Chủ toạ và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản cũng có thể được lập dưới dạng văn bản rời, có chữ ký của Chủ toạ và Thư ký cuộc họp, hoặc chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Văn bản này phải được đóng dấu giáp lai và được lưu trữ theo thứ tự thời gian tại

trụ sở Công ty.

36.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ ít nhất các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên Công ty, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian và địa điểm họp;
- d. Họ tên và chức vụ của những thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Chương trình nghị sự;
- f. Nội dung các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; kết quả biểu quyết;
- g. Tóm tắt các ý kiến được phát biểu tại cuộc họp theo trình tự, diễn biến của cuộc họp;
- h. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến
- i. Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp;
- j. Chữ ký có ghi rõ họ tên của tất cả các thành viên dự họp hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

36.3 Những vấn đề được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc đối với các thành viên trong Công ty.

36.4 Khi có vấn đề cần giải quyết nhưng không thể triệu tập hoặc xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị về vấn đề này để có căn cứ quyết định. Trong vòng bảy (7) ngày kể từ ngày nhận được thông báo và tài liệu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên đó phải gửi văn bản thông báo ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu quá thời hạn trên mà thành viên đó không gửi văn bản thông báo ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thì xem như đã chấp thuận nội dung đề cập.

ĐIỀU 37. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 37.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý các bộ phận, đơn vị khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 37.2 Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 38. TỪ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM VÀ BỎ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 38.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị họp để xem xét và quyết định.
- 38.2 Các thành viên Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị để

trình Đại hội đồng Cổ đông gần nhất quyết định.

- 38.3 Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp:
- a. Không đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
 - b. Từ chức;
 - c. Không đảm bảo số Cổ phần sở hữu tối thiểu được quy định trong Điều lệ này;
 - d. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (6) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng.
- 38.4 Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quy định, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 39. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 39.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 39.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- 39.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn:
- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;
 - d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình khi vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ;
 - g. Quy định phương pháp làm việc trong Hội đồng quản trị và phân công công tác của các thành viên.
- 39.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 40. BAN KIỂM SOÁT

- 40.1 Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn, trong đó có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên có chuyên môn về kế

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

toán. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (5) năm. Trưởng Ban kiểm soát do các thành viên Ban kiểm soát bầu ra.

- 40.2 Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
- 40.3 Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.
- 40.4 Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về những sai phạm của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- 40.5 Trong trường hợp chưa kết thúc nhiệm kỳ có khuyết kiểm soát viên, Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung cho đủ tổng số.

ĐIỀU 41. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

- 41.1 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.
- 41.2 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (6) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của Hội đồng quản trị; Trình báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (6) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- 41.3 Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty; Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu theo quy định tại Điều 17.6 của Điều lệ này.
- 41.4 Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17.6 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra trong vòng bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu.
- Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 41.5 Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 41.6 Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 41.7 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- 41.8 Kiểm soát viên sẽ phải chịu trách nhiệm khi bỏ qua không sử dụng những quyền hạn và phương tiện theo thẩm quyền để ngăn chặn những sự kiện mình biết sẽ gây thiệt hại cho Công ty.
- 41.9 Trưởng Ban kiểm soát có thể yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xét thấy cần thiết.
- 41.10 Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 41.11 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 44 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đó và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 41.12 Thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao và đài thọ các chi phí cần thiết và hợp lý theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Chi phí cho hoạt động của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.
- 41.13 Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 41.14 Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.

ĐIỀU 42. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- 42.1 Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và được sự ủy nhiệm đủ quyền hạn cần thiết để thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 42.2 Tổng Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện theo quy định Pháp luật hiện hành.
- 42.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (5) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

ĐIỀU 43. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- 43.1 Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị như quy định tại Điều lệ này.
- 43.2 Tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- 43.3 Tổ chức thực hiện, tiến hành và kiểm tra mọi hoạt động theo kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
- 43.4 Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
- 43.5 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị chuẩn y về chính sách khách hàng, quan hệ đối ngoại, tiêu chuẩn nhân viên, chính sách cán bộ, chính sách đào tạo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

- 43.6 Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của các cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- Tuyển dụng lao động theo định biên được phê duyệt của Hội đồng quản trị; Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của các cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc phù hợp với phê duyệt của Hội đồng quản trị.
- 43.7 Ban hành các quy chế cụ thể liên quan đến tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc; nội quy lao động; chế độ tiền lương, thưởng phạt, kỷ luật, bảo hiểm xã hội và phúc lợi trên cơ sở chấp hành pháp luật hiện hành.
- 43.8 Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức.
- 43.9 Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đối với Hội đồng quản trị.
- 43.10 Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị để giải quyết những việc vượt quá quyền hạn của Tổng Giám đốc.
- 43.11 Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.
- 43.12 Trình Hội đồng quản trị các báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty.
- 43.13 Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy định nội bộ của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm về những sai phạm nghiệp vụ gây ra tổn thất cho Công ty ở các mức độ:
- Trực tiếp gây ra tổn thất;
 - Gián tiếp gây ra tổn thất;
 - Liên đới chịu trách nhiệm.
- 43.14 Tổng Giám đốc có quyền từ nhiệm. Khi muốn từ nhiệm, Tổng Giám đốc phải có đơn gửi Hội đồng quản trị để xem xét và quyết định. Đơn đề nghị của Tổng Giám đốc phải gửi ít nhất trước sáu mươi (60) ngày so với ngày dự kiến từ nhiệm.
- 43.15 Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- Có đơn xin từ chức được Hội đồng quản trị nhất trí;
 - Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- 43.16 Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Mất quyền công dân;
 - Tự ý bỏ nhiệm vụ;
 - V phạm Pháp luật;
 - Hội đồng quản trị quyết định

ĐIỀU 44. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây :

- 44.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 44.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, mất cân, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;
- 44.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 44.4 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty
- 44.5 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 45. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

- 45.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% Vốn Điều lệ.
- 45.2 Việc kê khai quy định tại Điều 45.1 của Điều lệ này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 45.3 Việc kê khai quy định tại Điều 45.1 và 45.2 của Điều lệ này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
- 45.4 Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

ĐIỀU 46. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

- 46.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc;
 - Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b Điều 46.1 của Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.
- 46.2 Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 46.3 Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại Điều 46.2 của Điều lệ này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
- 46.4 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều 46.2 và Điều 46.3 của Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

ĐIỀU 47. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

- 47.1 Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây: Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

- 47.2 Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội Đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 48. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH

- 48.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch và chấm dứt ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty bắt đầu hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm đó.
- 48.2 Chế độ tài chính và báo cáo thường niên của Công ty phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước về cả nội dung và thời gian.
- 48.3 Cuối mỗi năm tài chính, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo tài chính sau:
- Báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty;
 - Báo cáo tài chính;
 - Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.
- 48.4 Các báo cáo và tài liệu quy định tại Điều 48.3 trên đây phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
- 48.5 Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất bảy (7) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
- 48.6 Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (1) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lệ.

ĐIỀU 49. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHI TRẢ CỔ TỨC, NGUYÊN TẮC CHUYỂN LỖ VÀ LẬP QUỸ

- 49.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty cuối mỗi niên khoá tài chính được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định của Pháp luật hiện hành. Tỷ lệ trích lập các quỹ khác không được quy định bởi Pháp luật hiện hành sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong các phiên họp thường niên
- 49.2 Đại hội đồng cổ đông quyết định việc lập, tỷ lệ trích lập của các quỹ không bắt buộc như: quỹ khen thưởng; quỹ phúc lợi; các quỹ khác (nếu có).
- 49.3 Công ty chi trả cổ tức cho Cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định,

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

- 49.4 Căn cứ kết quả kinh doanh hàng năm và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể chia hoặc không chia cổ tức cho các Cổ đông của Công ty.
- 49.5 Trước khi phân chia cổ tức cho tất cả các Cổ đông, lợi nhuận hàng năm của Công ty được sử dụng theo các trình tự sau:
- a. Bù đắp các khoản chi không được ghi vào chi phí tính thuế của Công ty.
 - b. Chi phí thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quy định và tính vào lợi nhuận sau thuế;
 - c. Trích lập các Quỹ:
 - Quỹ dự trữ bắt buộc 5% lợi nhuận sau thuế để dự trữ tài chính cho đến khi bằng 10% Vốn Điều lệ của Công ty;
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo một tỷ lệ nhất định do Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm để thưởng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty;
 - Chi phí thù lao cho Hội đồng quản trị;
 - Các Quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành.
- 49.6 Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm duyệt danh sách Cổ đông được nhận cổ tức và thông báo về việc chi trả cổ tức đến các Cổ đông chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện việc chi trả này.
- 49.7 Tuỳ thuộc tình hình kinh doanh và pháp luật cho phép, Hội đồng quản trị có thể quyết định việc ứng trước cổ tức cho các Cổ đông.
- 49.8 Khi kinh doanh thua lỗ, Công ty sẽ chuyển lỗ sang năm sau để được trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian chuyển lỗ sẽ không quá thời gian tối đa cho phép được chuyển lỗ theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 50. KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, THUẾ

- 50.1 Công ty thực hiện chế độ kế toán; thống kê; báo cáo và thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 50.2 Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được một Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra xác nhận các báo cáo tài chính của Công ty theo quy định về báo cáo định kỳ trước khi trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

ĐIỀU 51. CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY

Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây theo luật định:

- 51.1 Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

đăng ký cổ đông;

- 51.2 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu; giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế; giấy chứng nhận các quyền sở hữu (nếu có);
- 51.3 Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
- 51.4 Quy chế tài chính của Công ty;
- 51.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua;
- 51.6 Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
- 51.7 Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
- 51.8 Các tài liệu khác của Công ty và khách hàng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY - GIẢI THỂ

ĐIỀU 52. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

- 52.1 Công ty có thể được tổ chức lại dưới các hình thức luật định như: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty được thực hiện theo đề nghị của Hội đồng quản trị và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 52.2 Thủ tục tổ chức lại Công ty bằng các hình thức nêu trên thực hiện theo các quy định tại các điều khoản có liên quan của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

ĐIỀU 53. GIẢI THỂ CÔNG TY

Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- 53.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi Công ty bị thua lỗ ba phần tư (3/4) Vốn Điều lệ hoặc gặp khó khăn không còn khả năng hoạt động kinh doanh; mục tiêu của Công ty không thể thực hiện được hoặc không đem lại hiệu quả;
- 53.2 Công ty không đủ số thành viên tối thiểu theo Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (6) tháng liên tục;
- 53.3 Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- 53.4 Có yêu cầu chính đáng của nhóm Cổ đông đại diện cho ít nhất ba phần tư (3/4) Vốn Điều lệ của Công ty.

ĐIỀU 54. THỦ TỤC GIẢI THỂ CÔNG TY

Việc giải thể Công ty được thực hiện theo các trình tự sau:

- 54.1 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể ít nhất phải có các nội dung sau:
- Tên, trụ sở Công ty;
 - Lý do giải thể;
 - Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty. Thời hạn thanh toán nợ không vượt quá sáu (6) tháng kể từ ngày quyết định giải thể được thông qua;
 - Thành lập Tổ thanh lý tài sản. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của Tổ thanh lý phải được quy định cụ thể trong một phụ lục đính kèm quyết định giải thể Công ty;
 - Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.
 - Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HẰNG KHÔNG

- 54.2 Trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày quyết định giải thể được thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ của Công ty; người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp. Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ, thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ đồng thời quyết định giải thể phải được niêm yết công khai tại trụ sở Công ty và đăng trên báo hàng ngày của địa phương trong ba số liên tiếp.
- 54.3 Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của Công ty.
- 54.4 Trong thời hạn bảy (7) ngày, kể từ ngày thanh toán hết nợ của Công ty, Ban thanh lý phải gửi hồ sơ về giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn bảy (7) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ giải thể của Công ty cơ quan đăng ký kinh doanh phải xóa tên Công ty trong sổ đăng ký kinh doanh.
- 54.5 Trường hợp Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 157 của Luật Doanh nghiệp.
- 54.6 Việc phân chia tài sản của Công ty sau khi hoàn tất thủ tục thanh lý, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 54.7 Trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày kết thúc việc thanh lý giải thể, Ban thanh lý phải gửi toàn bộ hồ sơ có liên quan đến việc thanh lý giải thể Công ty đến Cơ quan đăng ký kinh doanh để Cơ quan này thực hiện thủ tục xóa tên Công ty trong sổ hoặc hồ sơ lưu trữ về đăng ký kinh doanh; đồng thời phải đăng báo hàng ngày của địa phương về việc Công ty đã kết thúc quá trình thanh lý giải thể và chấm dứt hoạt động.

ĐIỀU 55. PHÁ SẢN CÔNG TY

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

ĐIỀU 56. BAN THANH LÝ

- 56.1 Trong trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động, Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định thành lập Ban thanh lý tài sản. Ban thanh lý gồm những người có chuyên môn và hiểu biết trong lĩnh vực thanh lý tài sản. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ giữ chức Trưởng Ban thanh lý. Công ty có thể sử dụng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực này.
- 56.2 Ban thanh lý là người đại diện chính thức của Công ty trong việc thực hiện các thủ tục thanh toán tài sản và chấm dứt hoạt động của Công ty, kể cả các công việc phát sinh trong quá trình thanh lý như việc kiện tụng, xử lý công nợ, v.v...
- 56.3 Ban thanh lý có nhiệm vụ như sau:
- Tiến hành kiểm kê toàn bộ các tài sản của Công ty, các khoản nợ và các khoản vay để soạn thảo bản kê khai tài sản có và tài sản nợ;
 - Lập kế hoạch và tiến hành thanh lý các hợp đồng và thanh toán các khoản vay nợ;
 - Ban thanh lý sẽ trình biên bản thanh lý lên Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành

việc thanh lý và thanh toán chi phí thanh lý bao gồm cả lương của các thành viên Ban thanh lý;

- d. Ban thanh lý sẽ gửi hồ sơ giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh và thực hiện các thủ tục liên quan theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

ĐIỀU 57. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 57.1 Tổng Giám đốc của Công ty là người đại diện của Công ty trước pháp luật trong các vụ tranh chấp, các hoạt động tố tụng.
- 57.2 Tổng Giám đốc thay mặt Công ty tham gia tố tụng, giải quyết các tranh chấp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty.
- 57.3 Mọi Cổ đông đều có quyền khiếu nại trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông để giải quyết quyền lợi chính đáng của mình bị vi phạm và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra.
- 57.4 Mọi tranh chấp giữa các Cổ đông của Công ty với nhau và giữa Cổ đông với Công ty được giải quyết trước hết bằng thương lượng, hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc các trường hợp không thể thương lượng bằng hòa giải được thì một hay các bên tranh chấp sẽ đưa vụ việc ra xét xử tại một Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.
- 57.5 Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông thì các bên liên quan sẽ giải quyết theo trình tự sau:
- a. Thương lượng và hoà giải trực tiếp giữa các bên có liên quan. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ban hoà giải để giúp các bên thực hiện thương lượng, hoà giải;
 - b. Nếu hoà giải không thành thì các bên liên quan đến vụ tranh chấp gửi đơn khiếu nại đến Hội đồng quản trị. Nếu thuộc thẩm quyền của mình thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và giải quyết vụ việc khiếu nại của các Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được đơn thư khiếu nại. Nếu không thuộc thẩm quyền của mình thì Hội đồng quản trị phải báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông bất thường xem xét, quyết định theo Điều lệ này và theo quy định Pháp luật;
 - c. Trong trường hợp Hội đồng quản trị bỏ qua vụ việc khiếu nại hoặc không giải quyết thoả đáng thì các Cổ đông có thể xúc tiến thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để giải quyết theo các quy định của Điều lệ này;
 - d. Nếu không tổ chức được Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc vụ việc khiếu nại cũng không được giải quyết thoả đáng tại Đại hội đồng cổ đông bất thường thì các Cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn trước Toà án. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình liên quan đến thủ tục tố tụng. Án phí sẽ do Toà án có thẩm quyền xét xử quyết định.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 58. HIỆU LỰC THI HÀNH

- 58.1 Điều lệ của Công ty Cổ phần Khách sạn Hàng không gồm 8 Chương 60 Điều đã được tất cả các Cổ đông sáng lập có tên dưới đây đọc lại và ký tên chấp thuận, thông qua toàn bộ vào ngày tháng năm 2006 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- 58.2 Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 58.3 Các Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Trưởng Phó Phòng chức năng và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này.

ĐIỀU 59. THỂ THỨC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

- 59.1 Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.
- 59.2 Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.
- 59.3 Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi. Thể thức họp, thông qua nội dung sửa đổi theo quy định tại Bản Điều lệ này.

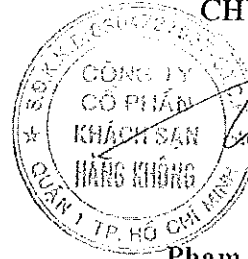
ĐIỀU 60. HƯỚNG DẪN THI HÀNH

- 60.1 Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện việc ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ để hướng dẫn thi hành Điều lệ này nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.
- 60.2 Tất cả các tổ chức và cá nhân có ý định đầu tư vào Công ty đều có thể tham khảo Điều lệ này.
- 60.3 Việc mua Cổ phần của Công ty được mặc nhiên coi như đã đọc và đồng ý ký tên tán thành Điều lệ hiện hành của Công ty.
- 60.4 Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
- 01 bản đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh;
 - 04 bản lưu trữ tại trụ sở Công ty;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÀNG KHÔNG

- c. 05 bản cho các Cổ đông Công ty.
- 60.5 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị hoặc Công chứng Nhà nước.
- 60.6 Ban Kiểm soát Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Điều lệ này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thúc Hòa

PHỤ LỤC 1

Cơ cấu vốn góp của các cổ đông sáng lập:

- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (VNA), có trụ sở chính tại số 200 Nguyễn Sơn, Gia Lâm, Hà Nội, góp 42.240.000.000đ (bốn mươi hai tỉ hai trăm bốn mươi triệu đồng), tương đương 44% Vốn Điều lệ bằng giá trị quyền sở hữu tài sản trên đất, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110824 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 27/5/1995.
- Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO), có trụ sở chính tại 45 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, góp 9.600.000.000đ (chín tỉ sáu trăm triệu đồng), tương đương 10% Vốn Điều lệ bằng tiền mặt, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000177 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/9/1997.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vina, có trụ sở chính tại số 17-19-21 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, góp 9.600.000.000đ (chín tỉ sáu trăm triệu đồng), tương đương 10% Vốn Điều lệ bằng tiền mặt, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006712 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/05/2007.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Long, có trụ sở chính tại Phòng 5, lầu 2, lô C4-2, Tòa nhà Broadway D, số 152 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, góp 34.560.000.000đ (ba mươi bốn tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng), tương đương 36% Vốn Điều lệ bằng tiền mặt, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305358181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2007.

